

Số: /BC-STTTT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số Chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2023

Thực hiện Quyết định số 3710/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đánh giá chỉ số Chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố kết quả Chỉ số Chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023;

Trên cơ sở rà soát, phân tích số liệu và kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số Chuyển đổi số năm 2023 của các sở, ban, ngành, địa phương, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả như sau:

#### I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Chi tiết như Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo).

#### II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CÁC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN

##### 1. Xếp hạng chung:

- Đối với các sở, ban, ngành: các vị trí dẫn đầu lần lượt là Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường; 03 vị trí cuối bảng xếp hạng lần lượt là Ban Dân tộc, Sở Tư pháp, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

- Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố: các vị trí dẫn đầu lần lượt là UBND thành phố Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ; 03 vị trí đứng cuối bảng xếp hạng lần lượt là UBND huyện Long Điền, huyện Xuyên Mộc, huyện Côn Đảo.

- Đối với UBND các xã, phường, thị trấn: các vị trí dẫn đầu lần lượt là UBND phường 8, phường 2, xã Tóc Tiên; 03 vị trí đứng cuối bảng xếp hạng lần lượt là UBND phường Phú Mỹ, phường Phước Hòa và xã Bàu Chinh.

- Điểm trung bình của các sở, ban, ngành, địa phương năm 2023 đạt tương đối cao (cấp tỉnh: 76 điểm/100 điểm, tăng 9,6 điểm so với năm 2022; cấp huyện:

86,796 điểm/100 điểm, tăng 17,996 điểm; cấp xã: 77,5 điểm/100 điểm, tăng 28,21 điểm).

## 2. Đánh giá về tiêu chí Nhận thức số:

- Hầu hết các sở, ban, ngành đều đạt điểm tương đối; riêng Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Dân tộc do lãnh đạo sở, ngành ít triển khai các văn bản về chuyển đổi số.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>5</b>
1	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	5
2	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	5
3	SỞ NỘI VỤ	5
4	SỞ DU LỊCH	5
5	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	4.75
6	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	4.75
7	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	4.5
8	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	4.5
9	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	4.5
10	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	4.4
11	SỞ NGOẠI VỤ	4.4
12	SỞ XÂY DỰNG	4.25
13	SỞ Y TẾ	4
14	SỞ TÀI CHÍNH	3.75
15	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	3.75
16	SỞ CÔNG THƯƠNG	3.75
17	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	3.5
18	SỞ TƯ PHÁP	2.9
19	THANH TRA TỈNH	2.4
20	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	2.4
21	BAN DÂN TỘC	1.4

- Đối với cấp huyện, hầu hết các đơn vị đều đạt điểm đối đối; riêng thị xã Phú Mỹ, huyện Đất Đỏ đạt điểm tương đối do Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện ít ban hành văn bản chỉ đạo.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>6</b>
1	UBND THÀNH PHỐ BÀ RỊA	6
2	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	6

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
3	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	6
4	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	6
5	HUYỆN CÔN ĐẢO	6
6	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	5.5
7	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	5
8	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	5

### 3. Đánh giá về tiêu chí Thể chế số:

- Hầu hết các sở, ban, ngành đạt điểm theo tiêu chí này, riêng các đơn vị đạt 7 điểm thì chưa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số (Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin); còn đối với các đơn vị đạt 6 điểm (Ban Dân tộc, Sở Tư pháp): chưa ban hành văn bản đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; văn bản đôn đốc, cải thiện Chỉ số Chuyển đổi số.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<i>Điểm tối đa</i>	<i>11</i>
1	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	9.5
2	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	9.5
3	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	9
4	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	9
5	SỞ NỘI VỤ	9
6	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	9
7	SỞ XÂY DỰNG	8.8
8	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	8.5
9	SỞ DU LỊCH	8
10	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	8
11	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	8
12	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	7
13	SỞ TÀI CHÍNH	7
14	THANH TRA TỈNH	7
15	SỞ Y TẾ	7
16	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	7
17	SỞ NGOẠI VỤ	7
18	SỞ CÔNG THƯƠNG	7
19	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	7
20	BAN DÂN TỘC	6
21	SỞ TƯ PHÁP	6

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: hầu hết đều đạt điểm, riêng thành phố Vũng Tàu chưa báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng biểu mẫu về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (tháng, quý); huyện Côn Đảo chưa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số (Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin), chưa ban hành văn bản đôn đốc, cải thiện Chỉ số Chuyển đổi số.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>10</b>
1	UBND THÀNH PHỐ BÀ RỊA	8.5
2	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	8.5
3	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	8.5
4	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	8.5
5	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	8
6	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	8
7	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	7.5
8	HUYỆN CÔN ĐẢO	7

#### 4. Đánh giá về tiêu chí Hạ tầng số:

- Qua rà soát, khoảng 30% các sở, ngành (gồm Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã đưa vào sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng. Đối với việc trang bị máy tính cho CBCCVC, tỷ lệ máy tính kết nối Internet thì hầu hết các cơ quan đạt yêu cầu.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>3</b>
1	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	3
2	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	3
3	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	3
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	3
5	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	3
6	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	3
7	SỞ Y TẾ	3
8	SỞ TƯ PHÁP	3
9	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	2
10	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	2
11	SỞ NỘI VỤ	2
12	SỞ DU LỊCH	2
13	SỞ XÂY DỰNG	2

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
14	SỞ TÀI CHÍNH	2
15	THANH TRA TỈNH	2
16	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	2
17	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	2
18	SỞ NGOẠI VỤ	2
19	SỞ CÔNG THƯƠNG	2
20	BAN DÂN TỘC	2
21	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	2

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: hầu hết đều đạt điểm theo tiêu chí đề ra như đã trang bị máy tính cho CBCCVC; máy tính kết nối Internet; sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>3</b>
1	UBND THÀNH PHỐ BÀ RỊA	3
2	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	3
3	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	3
4	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	3
5	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	3
6	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	3
7	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	3
8	HUYỆN CÔN ĐẢO	3

### 5. Đánh giá về tiêu chí Nhân lực số:

- Đối với tiêu chí này, hầu hết các sở, ban, ngành đều đã bố trí công chức chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin, chuyển đổi số. Riêng Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Dân tộc chưa có văn bản phân công công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin. Ngoài ra, một số sở, ngành chưa đăng ký tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong năm do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức; một vài lãnh đạo sở, ngành ít tham dự hội thảo, hội nghị chuyên đề về công nghệ thông tin, chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>7</b>
1	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	7
2	SỞ XÂY DỰNG	6.5

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
3	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	6
4	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5.75
5	SỞ Y TẾ	5.75
6	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	5.75
7	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5.25
8	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	5
9	THANH TRA TỈNH	5
10	SỞ NGOẠI VỤ	5
11	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	4.75
12	SỞ CÔNG THƯƠNG	4.75
13	SỞ DU LỊCH	4
14	BAN DÂN TỘC	3.75
15	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	3
16	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	3
17	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	3
18	SỞ NỘI VỤ	3
19	SỞ TÀI CHÍNH	3
20	SỞ TƯ PHÁP	1
21	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	1

- Đối với cấp huyện, thị xã Phú Mỹ đã thực hiện tốt tiêu chí này. Các địa phương còn lại (*thành phố Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu, huyện Long Điền, huyện Châu Đức, huyện Xuyên Mộc*) do trong năm 2023, chưa đăng ký tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong năm do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức. Ngoài ra, huyện Xuyên Mộc chưa tổ chức đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho CBCCVC tại các phòng, ban, đơn vị cấp xã 2023.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>8</b>
1	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	7.75
2	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	6.5
3	UBND THÀNH PHỐ BÀ RIJA	6
4	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	6
5	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	6
6	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	6
7	HUYỆN CÔN ĐẢO	6
8	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	5

## 6. Đánh giá về tiêu chí An toàn thông tin mạng:

- Các sở, ban, ngành: Tại thời điểm chấm điểm, hầu hết các sở, ban, ngành đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ, trừ các đơn vị chưa được phê duyệt do hồ sơ chưa đúng theo quy định gồm Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Xây dựng. Đối với, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống virus máy tính cho các CCVC thuộc Sở; chưa tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các cán bộ, công chức ngay khi nhận thông tin (không quá 03 ngày).

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<i>Điểm tối đa</i>	<b>8</b>
1	THANH TRA TỈNH	8
2	SỞ CÔNG THƯƠNG	8
3	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	8
4	SỞ NỘI VỤ	8
5	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	7.977
6	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	7.967
7	SỞ TÀI CHÍNH	7.917
8	SỞ Y TẾ	7.5
9	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	7.287
10	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	7
11	SỞ XÂY DỰNG	7
12	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	7
13	SỞ NGOẠI VỤ	7
14	SỞ DU LỊCH	7
15	SỞ TƯ PHÁP	7
16	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	7
17	BAN DÂN TỘC	6.9
18	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	6.603
19	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	6.54
20	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	6.5
21	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	6.5

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: Trong năm 2023, hoạt động đảm bảo an toàn thông tin tại các đơn vị được chú trọng và quan tâm thực hiện. Đối với hồ sơ đề xuất cấp độ, tại thời điểm chấm điểm, chỉ có huyện Châu Đức chưa được phê duyệt do hồ sơ trình phê duyệt chưa đúng theo quy định. Đối với thành phố Vũng

Tàu, chưa tham dự xuyên suốt lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành, diễn tập tác chiến về an toàn thông tin và các lớp về an toàn thông tin.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<i>Điểm tối đa</i>	<i>7</i>
1	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	7
2	UBND THÀNH PHỐ BÀ RỊA	7
3	HUYỆN CÔN ĐẢO	6.746
4	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	6.5
5	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	6.5
6	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	6.398
7	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	5.5
8	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	5

## 7. Đánh giá về tiêu chí Chính quyền số:

- Các sở, ban, ngành:

Số TT	Tên cơ quan	QL VB	CKS CTS	Thư điện tử	Ứng dụng chuyên ngành	HTTT Giải quyết TTHC	Công/Trang TTĐT	Chi ngân sách NN	Tổng điểm
	<i>Điểm tối đa</i>	<i>3</i>	<i>13</i>	<i>2</i>	<i>10</i>	<i>18</i>	<i>13</i>	<i>1</i>	<i>60</i>
1	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	3	13	1,9	9,259	12,183	13	0,5	52,842
2	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	3	13	1,9	10	14,689	10,2	0	52,789
3	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	3	13	1,9	8	15,130	11,5	0	52,530
4	SỞ NỘI VỤ	3	11	1,9	8	15,117	12,25	0,77	52,037
5	SỞ TÀI CHÍNH	3	13	1,9	9,65	7,909	12,25	0	51,588
6	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	3	12,8	6	6	13,86	13	1	51,56
7	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	3	13	1,9	10	13,2	9,425	1	51,522
8	SỞ DU LỊCH	3	13	1,9	6	12,8	13	1	50,697
9	THANH TRA TỈNH	3	13	1,9	8	12,183	10,75	0	48,833
10	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	3	11	1,8	8	12,1	12,75	0	48,649
11	SỞ XÂY DỰNG	3	13	1,9	8	9,346	12	0	47,246
12	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	3	12,4	1,9	4	12,69	11,25	0	45,241
13	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	3	12,8	1,9	5,952	11,2	9,75	0	44,602
14	BAN DÂN TỘC	3	12,5	1,9	5,818	10,002	9,5	1	43,721
15	SỞ Y TẾ	3	10,5	1,9	6	9,997	12	0	43,397
16	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	3	8	1,5	6,043	11,81	12	0	42,355



Số TT	Tên cơ quan	QL VB	CKS CTS	Thư điện tử	Ứng dụng chuyên ngành	HTTT Giải quyết TTHC	Công/Trang TTĐT	Chi ngân sách NN	Tổng điểm
17	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	3	11	1,9	3,673	11,28	11	0	41,853
18	SỞ TƯ PHÁP	3	11	1,9	7,278	8,727	9,5	0	41,405
19	SỞ NGOẠI VỤ	3	9,5	1,9	4	10,993	11	0	40,393
20	SỞ CÔNG THƯƠNG	3	8	1,9	3,882	15,409	7,75	0	39,941
21	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	3	8	1,9	3,889	10,89	6,5	0	34,181

- UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Số TT	Tên cơ quan	QL VB	CKS CTS	Thư điện tử	Ứng dụng chuyên ngành	HTTT Giải quyết TTHC	Công/Trang TTĐT	Chi ngân sách NN	Tổng điểm
	<i>Điểm tối đa</i>	<i>3</i>	<i>10</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>18</i>	<i>12</i>	<i>1</i>	<i>50</i>
1	UBND THÀNH PHỐ BÀ RỊA	3	10	1,9	4	15,557	11	1	46,457
2	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	3	10	1,9	4	15,231	11,25	1	46,381
3	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	3	9,9	1,9	4	14,4	12	0,13	45,33
4	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	3	10	1,9	4	14,432	11,15	0	44,482
5	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	3	10	1,9	4	13,86	11,5	0	44,26
6	UBND HUYỆN XUYỀN MỘC	3	10	1,9	4	13,314	11,5	0	43,714
7	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	3	9	1,9	4	14,123	11	0,07	43,093
8	HUYỆN CÔN ĐÀO	3	10	1,9	4	12,002	12	0	42,902

Việc đánh giá về tiêu chí Chính quyền số trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước dựa vào các nội dung sau: sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; ứng dụng chữ ký số, chứng thư số trong phát hành văn bản điện tử; kết quả sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; việc xây dựng, triển khai, sử dụng phần mềm chuyên ngành, Trợ lý ảo phục vụ công tác quản lý dữ liệu, nghiệp vụ chuyên môn, lưu trữ dữ liệu, đồng thời kết nối với LGSP tỉnh, IOC tỉnh; kết quả cập nhật thủ tục hành chính, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; tình hình hoạt động, cập nhật các thông tin, chuyên mục trên Công/trang thông tin điện tử; tổng chi ngân sách nhà nước cho chính quyền số.

*a) Về sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành và ứng dụng chữ ký số, chứng thư số trong phát hành văn bản điện tử:*

- Qua số liệu báo cáo định kỳ hàng tháng, quý của Sở Thông tin và Truyền thông cũng như kết hợp công tác kiểm tra cải cách hành chính, chuyển đổi số năm 2023, hầu hết các cơ quan, đơn vị thường xuyên ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trong quản lý, điều hành và xử lý công việc chuyên môn, góp phần tiết kiệm thời gian. Ngoài ra, phần mềm đã kết nối với Trục kết nối, liên thông của tỉnh, đáp ứng việc liên thông 04 cấp (Trung ương - Tỉnh - Huyện - Xã).

- Đối với việc ứng dụng chữ ký số, chứng thư số: Hiện tại, hầu hết các cơ quan, đơn vị đều ứng dụng chữ ký số, chứng thư số trong phát hành văn bản điện tử. Đối với việc tiếp nhận, xử lý văn bản giấy và số hóa khi ký số, đồng thời ký số đối với phụ lục kèm theo văn bản, vẫn còn nhiều đơn vị chưa thực hiện ký số theo quy định tại Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 và Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*b) Về sử dụng Thư điện tử công vụ:*

Hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh cơ bản đáp ứng về tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật. Hầu hết thư công vụ của CBCCVC và của các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã đều đã được cấp phát đầy đủ. Đến nay, trên 90% CBCCVC sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc, góp phần tiết kiệm thời gian, giấy tờ, trao đổi công việc nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, việc sử dụng thư công vụ cũng đảm bảo về an toàn, bảo mật thông tin.

*c) Các ứng dụng chuyên ngành:*

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của một số cơ quan, đơn vị đã được triển khai và đưa vào sử dụng, góp phần hỗ trợ công tác quản lý nhà nước và chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương, từng bước công khai một số dữ liệu trên môi trường mạng, tạo điều kiện cho các tổ chức, công dân có thể tìm kiếm, tra cứu các thông tin; đã kết nối qua IOC tỉnh; đã sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, một số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành chưa kết nối qua LGSP tỉnh; chưa ban hành kịp thời quy chế quản lý, vận hành; một số CCVC lãnh đạo cấp phòng trở lên chưa sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.

*d) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh:*

*- Phần mềm Một cửa điện tử:*

Việc triển khai và đưa vào vận hành phần mềm Một cửa điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã đã mang lại nhiều hiệu quả, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giúp CBCCVC quản lý hồ sơ một cách chặt chẽ, luân chuyển nhanh chóng, kịp thời, xử lý hồ sơ được mạch lạc, dễ dàng tìm kiếm, tra cứu. Phần

mềm Một cửa điện tử ngày càng hoàn thiện về tính năng, chức năng và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; đã kết nối, liên thông 03 cấp trên toàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh và Trục kết nối, liên thông của tỉnh. Số thủ tục hành chính được công bố kịp thời, quy trình nội bộ đã được cấu hình, cập nhật trên phần mềm Một cửa điện tử; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hẹn đạt tỷ lệ cao.

*- Dịch vụ công trực tuyến:*

Hầu hết các sở, ban, ngành đã thường xuyên rà soát và tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình cho cả 03 cấp (tỉnh, huyện, xã); Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt trên 80%. Ngoài ra, để tiếp tục nâng cao tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, các cơ quan, đơn vị đã kiện toàn Tổ hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Tổ công nghệ số cộng đồng; đã ban hành danh mục yêu cầu cơ quan nhà nước nộp trực tuyến, không tiếp nhận trực tiếp; đã ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến giảm thời gian khi nộp trực tuyến; đã triển khai mô hình Ngày tiếp nhận trực tuyến. Tuy nhiên tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ; Tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến còn thấp theo quy định của Bộ tiêu chí.

*đ) Công/Trang thông tin điện tử:*

Công/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị được đánh giá dựa trên quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Qua rà soát trên công/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, thông tin cung cấp ngày càng phong phú, đa dạng, mang lại nhiều hiệu quả cho công tác quản lý, nhiều thông tin chất lượng và ngày càng là kênh thông tin quan trọng để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức có thể tiếp cận, tìm kiếm, theo dõi, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp phần minh bạch hóa hoạt động của cơ quan nhà nước. Thông tin về chỉ đạo, điều hành, văn bản quy phạm pháp luật, các tin tức, sự kiện và các hoạt động chuyên ngành luôn được cập nhật thường xuyên. Ngoài ra, các văn bản chỉ đạo về thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực đều được các cơ quan, đơn vị cập nhật kịp thời.

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số thông tin, chuyên mục chưa được cập nhật, xây dựng, như: chưa có chức năng đề góp ý chuyên mục dự thảo văn bản/dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; chưa có chức năng đọc bài viết; chưa cập nhật thông tin về đấu thầu, mua sắm công theo quy định.

*e) Chi ngân sách Nhà nước:*

Đối với tiêu chí này, rất ít cơ quan, đơn vị đạt điểm do tỷ lệ chi thấp hơn nhiều so với tổng kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư; ngoài ra việc cung cấp tài liệu kiểm chứng không đúng theo hướng dẫn.

### 8. Đánh giá về tiêu chí Kinh tế số:

- Các sở, ban, ngành: Đối với tiêu chí này, 05 sở, ngành đạt điểm tối đa; các đơn vị còn lại do chưa triển khai kịp thời Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đối với Sở Tư pháp, chưa tuyên truyền, quán triệt, yêu cầu CBCCVC sử dụng các nền tảng số theo quy định.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>3</b>
1	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	3
2	THANH TRA TỈNH	3
3	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	3
4	BAN DÂN TỘC	3
5	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	3
6	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	2
7	SỞ NỘI VỤ	2
8	SỞ TÀI CHÍNH	2
9	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2
10	SỞ DU LỊCH	2
11	SỞ XÂY DỰNG	2
12	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	2
13	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	2
14	SỞ Y TẾ	2
15	SỞ NGOẠI VỤ	2
16	SỞ CÔNG THƯƠNG	2
17	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	2
18	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	1.5
19	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	1.5
20	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	1.5
21	SỞ TƯ PHÁP	1

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: Đối với tiêu chí này, hầu hết các đơn vị đã tăng cường tuyên truyền, quán triệt, yêu cầu CBCCVC sử dụng các nền tảng số; hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số theo quy định. Riêng đối với tiêu chí “Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử” tại

thời điểm chấm điểm thì hầu hết đơn vị đều không đạt điểm do tỷ lệ đạt rất thấp so với quy định của Bộ tiêu chí.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>4</b>
1	UBND THÀNH PHỐ BÀ RỊA	3
2	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	3
3	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	3
4	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	3
5	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	3
6	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	3
7	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	3
8	HUYỆN CÔN ĐẢO	3

### 9. Đánh giá về tiêu chí Xã hội số:

- Các sở, ban, ngành: Đối với tiêu chí này, một số sở, ngành như Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Tư pháp chưa xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, văn bản triển khai, đôn đốc CBCCVC và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong năm 2023; chưa hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ về thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>3</b>
1	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	3
2	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	3
3	SỞ NỘI VỤ	3
4	SỞ XÂY DỰNG	3
5	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	3
6	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	3
7	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	2
8	THANH TRA TỈNH	2
9	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	2
10	SỞ DU LỊCH	2
11	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	2
12	SỞ Y TẾ	2
13	SỞ NGOẠI VỤ	2
14	SỞ CÔNG THƯƠNG	2
15	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	2
16	BAN DÂN TỘC	1

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
17	SỞ TÀI CHÍNH	1
18	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	1
19	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	1
20	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	1
21	SỞ TƯ PHÁP	1

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: Huyện Côn Đảo là đơn vị duy nhất đạt điểm tối đa (12/12) tại tiêu chí này; riêng các đơn vị như thành phố Bà Rịa, thị xã Phú Mỹ, huyện Long Điền đã triển khai nhiều giải pháp nhưng tỷ lệ điểm vẫn còn thấp hơn các đơn vị khác. Nguyên nhân do chưa triển khai kịp thời các văn bản tuyên truyền, hướng dẫn người dân phổ cập kỹ năng số cơ bản; chưa cung cấp, triển khai văn bản thanh toán không dùng tiền mặt tại siêu thị, trung tâm mua sắm hoặc tỷ lệ tạo tài khoản cho tiêu thương chưa đạt theo quy định của Bộ tiêu chí.

STT	Tên cơ quan	Tổng điểm
	<b>Điểm tối đa</b>	<b>12</b>
1	HUYỆN CÔN ĐẢO	12
2	UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	11.5
3	UBND HUYỆN CHÂU ĐỨC	11
4	UBND HUYỆN ĐẤT ĐỎ	11
5	UBND HUYỆN XUYÊN MỘC	11
6	UBND THÀNH PHỐ BÀ RIJA	10.7
7	UBND THỊ XÃ PHÚ MỸ	10.654
8	UBND HUYỆN LONG ĐIỀN	10

#### 10. Đánh giá tóm tắt Chỉ số Chuyển đổi số tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh:

- Về tiêu chí Nhận thức số: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm cao, tuy nhiên còn 04 đơn vị đạt điểm thấp, gồm: xã Cù Bì (3,5/6 điểm); phường Long Hương (3,354/6 điểm); xã Tân Hưng (3,5/6 điểm); phường Phước Nguyên (3,8/6 điểm). Nguyên nhân do Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp xã chưa thường xuyên chủ trì họp; chưa thường xuyên ký phát hành văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số; hệ thống đài truyền thanh ít phát sóng các thông tin về chuyển đổi số.

- Về tiêu chí Thể chế số: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm cao, tuy nhiên còn 02 đơn vị đạt điểm thấp, gồm: thị trấn Phước Hải, xã Bình Giã (6/11 điểm). Nguyên nhân do chưa ban hành văn bản đôn đốc các bộ phận, thôn, ấp, khu phố triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; chưa xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định; chưa ban hành văn bản đôn đốc, cải thiện Chỉ số Chuyển đổi số.

- Về tiêu chí Hạ tầng số: 82/82 xã, phường, thị trấn đều đạt điểm tối đa. Do cán bộ, công chức đã được trang bị máy tính đầy đủ; đã kết nối Internet và thường xuyên ứng dụng mạng số liệu chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan.

- Về tiêu chí Nhân lực số: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm cao, tuy nhiên còn 02 đơn vị đạt điểm thấp, gồm: phường Phước Trung (6/10 điểm); phường Phước Nguyên (7/10 điểm). Nguyên nhân do chưa cung cấp văn bản kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã; thôn, ấp, khu phố.

- Về tiêu chí An toàn thông tin mạng: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm cao, tuy nhiên còn 03 đơn vị đạt điểm thấp, gồm: thị trấn Phước Hải, xã Láng Dài (1,398/3 điểm); xã Bình Giã (1,5/3 điểm). Nguyên nhân do chưa tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các cán bộ, công chức ngay khi nhận thông tin; số lượng máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền rất thấp.

- Về tiêu chí Chính quyền số: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm tương đối cao, tuy nhiên còn 04 đơn vị đạt điểm thấp, gồm: xã Bàu Chinh (25,648/50 điểm); xã Cù Bị (33,983/50 điểm); phường 3 (31,211/50 điểm); xã Long Mỹ (35,541/50 điểm). Nguyên nhân do chưa ký số văn bản đến từ văn bản giấy; chưa thực hiện ký số phụ lục khi phát hành văn bản đi; chưa thường xuyên sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp và CBCC; số lượng dịch vụ công phát sinh hồ sơ (trực tuyến và trực tiếp) còn thấp, chưa đạt theo yêu cầu của Bộ tiêu chí; chưa triển khai đầy đủ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến theo Quyết định 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến thấp...

- Về tiêu chí Kinh tế số: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm cao, tuy nhiên còn 02 đơn vị đạt điểm thấp hoặc không đạt điểm, gồm: xã Long Mỹ (0/4 điểm); xã Bình Giã (1/4 điểm). Nguyên nhân do chưa tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn CBCC, người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số theo Kế hoạch 228/KH-UBND ngày 27/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Về tiêu chí Xã hội số: hầu hết các đơn vị đều đạt điểm tương đối cao, tuy nhiên còn 04 đơn vị đạt điểm thấp, gồm: xã Xà Bang (5,2/13 điểm); phường Kim Dinh (5,5/13 điểm); xã Tân Lâm (6/13 điểm); phường Long Hương (6/13 điểm). Nguyên nhân do chưa hướng dẫn người dân phổ cập kỹ năng số cộng đồng theo quy định; chưa tuyên truyền, thúc đẩy giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; các cơ sở y tế, giáo dục và các siêu thị, nhà hàng, khách sạn, trung tâm mua sắm, tiểu thương...

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

- Một số lãnh đạo sở, ban, ngành chưa tham dự đầy đủ các buổi họp do Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tổ chức, thường xuyên cử cấp phòng dự thay. Ngoài ra, một số lãnh đạo sở, ban, ngành, địa phương chưa nhận thức hết tầm quan trọng của chuyển đổi số nên chưa tham dự đầy đủ, xuyên suốt các buổi hội nghị, hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện, xã đã được thành lập tuy nhiên rất ít đơn vị tổ chức họp để chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số; chưa thường xuyên ban hành văn bản đôn đốc, nhắc nhở trong công tác chuyển đổi số.

- Một số cơ quan, đơn vị đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hoặc Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số nhưng chưa đúng biểu mẫu, thời gian quy định; chưa thường xuyên đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, bộ phận liên quan triển khai các giải pháp, nhiệm vụ được phân công.

- 100% các sở, ban, ngành, địa phương đã có công/trang thông tin điện tử, tuy nhiên một số trang thông tin điện tử chưa xây dựng chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin; chưa có ứng dụng dành riêng cho điện thoại; chưa cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh; các tin tức hoạt động, sự kiện, thông tin về thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số. Đối với cấp xã, trang thông tin điện tử đã được xây dựng và đưa vào vận hành, tuy nhiên vẫn còn nhiều thông tin trích nguồn, chưa tự cập nhật các hoạt động tại đơn vị, việc cập nhật thông tin còn sơ sài, chưa thật sự phong phú, sinh động. Hệ thống đài truyền thanh cấp xã đã xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số, tuy nhiên tần suất phát sóng định kỳ chưa đạt kết quả theo quy định.

- Chưa ban hành chính sách giảm phí, lệ phí khi người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Hơn 60% các sở, ban, ngành chưa sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng.

- Một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa thực hiện ký số văn bản đi có đính kèm phụ lục và ký số đối với văn bản đến nhận bằng giấy.

- Một số cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chưa được kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); chưa ban hành quy chế để quản lý, vận hành hệ thống.

- Chưa triển khai đầy đủ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến theo Quyết định 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chưa tăng cường tuyên truyền, quán triệt, yêu cầu, hướng dẫn CBCCC, người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, Trợ lý ảo theo quy định; chưa thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.



- Số lượng hồ sơ trực tuyến cơ bản đáp ứng theo chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên vẫn còn tình trạng CBCCVC làm thay người dân, chưa tích cực hướng dẫn để người dân tự sử dụng khi thực hiện quy trình nộp hồ sơ trực tuyến cho các lần tiếp theo; số lượng dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, hồ sơ thanh toán trực tuyến chưa đạt theo tỷ lệ đề ra.

- Chưa thường xuyên tuyên truyền, triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế, giáo dục, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, trung tâm mua sắm, tiểu thương.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề góp phần nâng cao kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế các tiêu chí trong Bộ chỉ số Chuyển đổi số trong năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương như sau:

- Khẩn trương rà soát từng tiêu chí thành phần đã được chỉ ra trong phần đánh giá tồn tại, hạn chế; ban hành văn bản đôn đốc, chấn chỉnh, nhắc nhở để cải thiện Chỉ số Chuyển đổi số trong năm 2024; trong đó giao cho từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc, CBCCVC để thực hiện; tăng cường kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo các sở, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh thường xuyên tham dự đầy đủ các buổi họp do Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tổ chức. Trường hợp vắng mặt, phải báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh và cử cấp phó dự thay trên cơ sở đồng ý của Trưởng ban.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện, xã thường xuyên tổ chức các buổi họp chuyên đề về chuyển đổi, ít nhất 01 quý/01 lần/năm, tránh tổ chức hình thức, để kịp thời nắm bắt, chỉ đạo các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hoặc Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số theo đúng hướng dẫn, biểu mẫu và thời gian quy định.

- Tham dự đầy đủ, xuyên suốt các buổi hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành của đơn vị vào LGSP tỉnh, IOC tỉnh.

- Thường xuyên thực hiện ký số đối với phụ lục kèm theo khi phát hành văn bản đi và ký số đối với văn bản đến nhận bằng giấy theo quy định.

- Khẩn trương triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023

của Ủy ban nhân dân tỉnh, như: công bố, công khai Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong nội bộ các cơ quan nhà nước phải thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến, không tiếp nhận bằng hình thức trực tiếp; triển khai thí điểm một số ngày không tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính bản giấy; đẩy mạnh việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính có phát sinh nhiều hồ sơ, có thành phần hồ sơ đơn giản; thường xuyên rà soát, kiện toàn Tổ hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp; nghiên cứu, đề xuất việc giảm thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến so với xử lý hồ sơ giấy...

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, cung cấp đầy đủ thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản về thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, thúc đẩy để người dân, doanh nghiệp tiếp cận kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, mua sắm trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, CĐSBCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Việt Trung**